TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2018/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 28 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2018 giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Th - Sinh năm: 1970. Trú tại: Số 02 đường T, tổ 19D phường M, quận S, TP Đà Nẵng.

* *Bị đơn*: Trần Văn Th - Sinh năm: 1968. Trú tại: Số 02 đường T, tổ 19D phường M, quận, TP Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Phan Thị Th với ông Trần Văn Th (giấy chứng nhận kết hôn số 27/1994, ngày 23/4/1994 tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Bà Phan Thị Th với ông Trần Văn Th thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa Bà Phan Thị Th với ông Trần Văn Th như sau: Giao cháu Trần Huỳnh Thu V, sinh ngày: 23/10/2005 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Bà Th và ông Th không yêu cầu tòa giải quyết.

- Nợ chung: Bà Th và ông Th xác định không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí HNGĐ 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Th và ông Th mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng). Nhưng bà Th tự nguyên chịu được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Sơn Trà, theo biên lai thu số 8483 ngày 15/01/2018. Hoàn trả cho bà Phan Thị Th 150.000đ số tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND nơi đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Đã ký

Lương Thị Anh